

DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ Ở VIỆT NAM: NHỮNG THÁCH THỨC TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Lê Duy Mai Phương

Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: phuongleduy@husc.edu.vn

TÓM TẮT

Doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ có những đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, đại dịch Covid 19 diễn ra trong một thời gian dài đã gây ra nhiều thách thức đối với loại hình doanh nghiệp này. Với việc sử dụng phương pháp nghiên cứu thứ cấp, nghiên cứu này hướng đến phân tích một cách toàn diện về những thách thức mà doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ phải đối mặt dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid 19. Kết quả cho thấy, ngoài những khó khăn chung mà doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam gặp phải, đại dịch Covid-19 làm trầm trọng thêm những rào cản sẵn có đối với nhiều doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Các rào cản đó liên quan đến vốn con người và xã hội của doanh nghiệp, việc tiếp cận và khả năng sử dụng công nghệ, việc tiếp cận các nguồn lực tài chính, thách thức do gánh nặng kép của phụ nữ và định kiến giới trong việc điều hành và duy trì các hoạt động của doanh nghiệp, khả năng phục hồi hậu Covid-19.

Từ khóa: Covid-19, doanh nghiệp vừa và nhỏ, phụ nữ làm chủ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) đóng vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, chiếm hơn 98% tổng số doanh nghiệp, đóng góp 40% GDP và 50% tổng số việc làm [1]. Một điều đặc biệt, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam xuất hiện ngày càng nhiều trong những năm trở lại đây, trong đó phần lớn các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, chiếm 94%. Tỷ lệ các DNVVN do phụ nữ làm chủ tăng từ 9,6% (2009) đến 26,5% (2017) [2], [3]. Các hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam xuất hiện từ những năm 1990 sau khi nền kinh tế định hướng thị trường trở thành mô hình kinh tế chủ đạo [4], trong đó có sự xuất hiện của các DNVVN do phụ nữ làm chủ, không những đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế-xã hội mà còn là con đường chính để thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ.

Đại dịch Covid-19 được xem là cú sốc mạnh đối với kinh tế toàn cầu. Xuất hiện ở Việt Nam vào ngày 23/01/2020, dịch Covid-19 đã lây lan nhanh chóng trên nhiều địa phương với diễn biến phức tạp, gây ra vô vàn thách thức đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Có tới 87,2% doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực bởi Covid-19 [5]. Những ảnh hưởng này hiện ra trên nhiều phương diện như tiếp cận khách hàng, dòng tiền, nhân công, gián đoạn các chuỗi cung ứng, ngưng trệ hoạt động, giãn tiến độ đầu tư, hủy dự án đang hoặc sẽ thực hiện [5]. Thậm chí, nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động hay phá sản, giải thể, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh. Trong 10 tháng đầu năm 2020, đã có 41,8 nghìn doanh nghiệp tạm dừng kinh doanh có thời hạn (tăng 58.7% so với cùng kỳ năm 2019); 13,5 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (tăng 0,1%). Năm 2021, sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư (đặc biệt vào quý III/2021) đã tác động tiêu cực tới sự gia tăng số lượng doanh nghiệp [6]. Tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường đạt gần 160 nghìn doanh nghiệp (giảm 10,7% so với năm 2020); 119,8 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (tăng 17,8%), trong đó phần lớn là các doanh nghiệp thành lập dưới 5 năm, quy mô vốn nhỏ [7].

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, các DNVVN do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề. Trong đó, sự khó khăn trong các hoạt động của các DNVVN do nữ làm chủ làm giảm vị thế của các nữ doanh nhân. Chỉ số Nữ doanh nhân 2020 của Việt Nam đã tụt 7 hạng so với năm 2019, đứng thứ 25 trên thế giới [8]. Các DNVVN do phụ nữ làm chủ bị thiệt hại hơn so với nam giới về doanh thu, đứng trước nguy cơ phải tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh cao gấp đôi so với các DNVVN của nam lãnh đạo. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp này buộc cắt giảm lương hoặc giờ làm của nhân viên, đối mặt với tình trạng khách hàng trì hoãn thanh toán, thương lượng giảm giá, hủy đơn đặt hàng [9].

Với việc sử dụng phương pháp nghiên cứu thứ cấp (secondary research) để phân tích thông tin từ các nghiên cứu liên quan đã được thực hiện, bài viết này hướng đến việc làm rõ một cách toàn diện hơn những khó khăn, thách thức mà DNVVN do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam phải đối mặt trong bối cảnh đại dịch Covid 19. Phần tiếp theo giới thiệu về phương pháp nghiên cứu mà nghiên cứu này sử dụng. Sau đó, bài viết sẽ chỉ rõ tầm quan trọng về phụ nữ khởi nghiệp cũng như những đóng góp của DNVVN do phụ nữ làm chủ đối với nền kinh tế của Việt Nam ở phần ba. Phần thứ tư phân tích những thách thức và khó khăn mà DNVVN do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam phải đối mặt trong bối cảnh đại dịch Covid 19. Phần cuối cùng là phần kết luận.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Như đã được đề cập ở phần giới thiệu, nghiên cứu thứ cấp được sử dụng là phương pháp nghiên cứu chủ đạo trong bài viết này. Đây là loại hình nghiên cứu thu

thập thông tin từ các tài liệu sẵn có và liên quan để trả lời câu hỏi hoặc làm rõ các mục tiêu nghiên cứu. Tài liệu sử dụng được tổng hợp từ sách hoặc bài báo khoa học đã được xuất bản như là kết quả của những nghiên cứu liên quan đã thực hiện. Tài liệu sẵn có còn bao gồm các báo cáo, số liệu liên quan đến chủ đề của nghiên cứu đang được thực hiện của chính quyền, các công ty, doanh nghiệp hay các tổ chức phi chính phủ.

Nghiên cứu này sử dụng một loại hình cụ thể của nghiên cứu thứ cấp đó là nghiên cứu bàn giấy trực tuyến (online desk study) để thu thập và phân tích thông tin liên quan đến chủ đề của bài viết. Chúng tôi sử dụng chủ yếu thanh công cụ tìm kiếm Google để tìm đến các nguồn thông tin chứa đựng các tài liệu sẵn liên quan về nghiên cứu đang thực hiện. Quá trình tìm kiếm thông tin và phân tích thông tin từ các dữ liệu thứ cấp được diễn ra theo các bước sau: Trước hết, các tài liệu sẵn có như sách, bài báo khoa học, báo cáo sẽ được thu thập thông qua việc tìm kiếm các từ khóa liên quan đến doanh nghiệp Việt Nam, DNVVN do phụ nữ làm chủ ở Việt nam, đại dịch Covid 19, ảnh hưởng của đại dịch đến kinh tế Việt Nam, ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đến doanh nghiệp và DNVVN do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam. Sau đó, những thông tin và dữ liệu từ các tài liệu này sẽ được phân loại, nhóm và sắp xếp vào các chủ đề được phác thảo. Cuối cùng là phân tích, trình bày các thông tin dữ kiện đã được thu thập và đưa ra các nhận định của tác giả trong mỗi chủ đề cụ thể.

3. TẦM QUAN TRỌNG VÀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA DNVVN DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ Ở VIỆT NAM

Cùng với sự xuất hiện và phát triển của các doanh nghiệp, công ty tư nhân ở Việt Nam nói chung, sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động kinh doanh ngày càng nhiều. Điều này được thể hiện thông qua sự tăng lên của số lượng nữ doanh nhân và doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã được đề cập ở phần giới thiệu. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có quy mô lớn do phụ nữ làm chủ đang dần vươn ra thị trường quốc tế. Phụ nữ tham gia khởi nghiệp giúp họ gia tăng uy tín và vị thế của chính mình.

Những đóng góp của các DNVVN do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam có nhiều điểm nổi bật. Tổng nộp ngân sách của các DNVVN này chiếm 40% GDP [10]. So với các DNVVN do nam giới làm chủ, các DNVVN do phụ nữ làm chủ nộp ngân sách Nhà nước tính trên một lao động cao hơn, chi phí tạo ra một việc làm thấp hơn, giúp giải quyết việc làm cho người lao động hiệu quả hơn và mang lại thu nhập đáng kể cho nhân công. Bên cạnh đó, các DNVVN do nữ làm chủ cũng thực hiện tốt các chính sách về chi trả bảo hiểm cao, sử dụng nhiều lao động nữ, lao động khuyết tật... [3]. Có thể thấy rằng, các DNVVN do phụ nữ làm chủ không những đóng góp về mặt kinh tế mà

còn thực hiện hiệu quả các trách nhiệm xã hội, bảo đảm an sinh cho các nhóm người dễ bị tổn thương.

Thường có những quan niệm sai lầm về hình ảnh của nữ doanh nhân trong kinh doanh như như ngại rủi ro hơn nam giới trong việc tìm kiếm tài chính, chỉ tập trung vào các doanh nghiệp nhỏ, làm việc chủ yếu trong các doanh nghiệp gia đình và hầu hết do nam giới làm chủ, và hạn chế về thời gian để học hỏi và giao lưu. Trên thực tế, phụ nữ là đối tượng có nhiều tiềm năng, họ luôn có tinh thần học hỏi, muốn nâng cao năng lực bản thân và họ sẵn sàng dành thời gian, tài chính cho việc đó. Nghiên cứu chỉ ra rằng, phụ nữ không có sự khác biệt nhiều với nam giới về mức độ chấp nhận rủi ro khi tìm kiếm nguồn tài chính. Thậm chí phụ nữ có xu hướng đo lường và phân tích rủi ro tỉ mỉ hơn thay vì làm theo trực giác. Quan trọng hơn, doanh thu các DNVVN do phụ nữ và nam giới làm chủ rất giống nhau [10].

Các DNVVN do phụ nữ làm chủ cũng thể hiện sự linh hoạt hơn trong thời kỳ khủng hoảng. Khảo sát của Ủy ban Kinh tế Xã hội Châu Á Thái Bình Dương Liên hợp quốc (ESCAP) cho thấy, các DNVVN do phụ nữ làm chủ có luôn nhận thức rõ về tác động tiêu cực của Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh. Họ tỏ ra thận trọng trong kinh doanh và cũng thành thạo hơn trong lập kế hoạch dự phòng, do đó trở nên vững vàng hơn khi khủng hoảng xảy ra. Đặc biệt, dù phải hứng chịu những tác động xấu đối với tình hình kinh doanh từ đại dịch Covid-19, họ vẫn thực hiện các hoạt động từ thiện giúp đỡ cộng đồng như cung cấp thực phẩm, các dụng cụ y tế, hoặc phân phối các sản phẩm của doanh nghiệp mình miễn phí đến người bị ảnh hưởng bởi Covid-19 [9].

Tóm lại, phụ nữ khởi nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong mỗi quốc gia. Những giá trị họ mang đến không dừng lại về đóng góp kinh tế mà còn giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, hướng đến phát triển bền vững. Vì vậy, tạo môi trường để phụ nữ tham gia khởi nghiệp, nâng cao khả năng thành công các DNVVN do phụ nữ làm chủ là việc làm cần thiết, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam.

4. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC CỦA DNVVN DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Trước khi phân tích những khó khăn của DNVVN do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam dưới sự tác động của Covid 19, bài viết sẽ chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch đối với DNVVN của Việt Nam nói chung. Theo ESCAP [9], đại dịch Covid-19 đã gây 03 khó khăn lớn sau đối với các DNVVN ở Việt Nam:

Thứ nhất, các hoạt động kinh doanh của DNVVN giảm do tổng cầu giảm: 96,4% ý kiến cho biết họ bị giảm sút lợi nhuận. Việc kinh doanh bị gián đoạn (50,9%) chủ yếu từ các biện pháp hạn chế đi lại, giãn cách xã hội và nhiều chính sách khác

được ban hành nhằm ngăn chặn sự lây lan của virus (50,9%). Trong bối cảnh đó, khách hàng có xu hướng hủy hợp đồng (36%), trì hoãn thanh toán (50,5%) hoặc đàm phán/thương lượng giảm giá (31,4%) đã khiến việc duy trì kinh doanh trở nên khó khăn hơn.

Thứ hai, các DNVVN phải đối mặt với thiếu vốn lưu động: 41,8% doanh nghiệp cho biết mình đang thiếu vốn lưu động và gặp khó khăn trong việc trang trải các chi phí hoạt động. Điều này xuất phát từ sự phụ thuộc khá lớn của các doanh nghiệp vào các dòng vốn bên ngoài ở những thời điểm trước đây. Covid-19 xảy ra, các nguồn vốn này càng trở nên khan hiếm. Doanh nghiệp đồng thời phải đối mặt với sự sụt giảm trong doanh thu lẫn khó khăn trong huy động vốn, hai điều đó đã đẩy các doanh nghiệp vào tình trạng khủng hoảng tài chính.

Thứ ba, tình hình thiếu nhân lực đang diễn ra ở các DNVVN: Trong nỗ lực cắt giảm chi phí hoạt động kinh doanh, 33,2% doanh nghiệp phải cắt giảm nhân công, 33,6% đang gặp tình trạng thiếu hụt lao động. Điều này không những tạo ra khó khăn cho doanh nghiệp trong duy trì hoạt động mà còn là trở ngại của doanh nghiệp nếu tăng cường sự quay trở lại khi thị trường dần hồi phục [9].

Ngoài việc chia sẻ những khó khăn chung trên của DNVVN, DNVVN do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam còn đối mặt với nhiều thách thức do những đặc điểm đặc thù của loại hình doanh nghiệp này. Những thách thức và khó khăn đó đã được đề cập trong một nghiên cứu tổng hợp mới đây được thực hiện bởi Huỳnh Thị Ánh Phương và Lê Duy Mai Phương [11], tuy nhiên, bài viết này sẽ cung cấp những phân tích sâu và chi tiết hơn dưới đây.

Thách thức lớn nhất mà đại dịch Covid-19 đưa đến cho các DNVVN do phụ nữ làm chủ đó là làm tăng lên những rào cản vốn đã tồn tại và đưa đến những tác động dễ bị tổn thương trong quá trình khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Chúng càng trở nên trầm trọng vào thời điểm Covid-19, thậm chí là hậu Covid-19 [2]. *Thứ nhất, đó là các rào cản về vốn con người và xã hội.* Các nghiên cứu chỉ ra rằng, mặc dù tỷ lệ doanh nhân nữ có trình độ Đại học trở lên đã gia tăng đáng kể (63%) nhưng vẫn thấp hơn nam giới (65%) [2]. Họ thường quá tập trung chuẩn bị các điều kiện thành lập và đưa doanh nghiệp vào hoạt động, vì vậy trong quá trình vận hành, nữ chủ doanh nghiệp thường thiếu kiến thức và kỹ năng quản trị doanh nghiệp, nhân sự, tài chính, marketing... [3]. Bất lợi về vốn con người còn hiện diện ở nguồn lực nhân công, nhiều DNVVN do phụ nữ làm chủ thiếu lao động chất lượng cao [12]. Nữ chủ doanh nghiệp cũng hạn chế mạng lưới quan hệ xã hội hơn các đồng nghiệp nam, do vậy ít được tiếp cận thông tin để tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại [3]. Zhu và Kuriyama [13] chỉ ra rằng, những hạn chế về nguồn vốn con người và xã hội đưa đến hiệu quả thấp trong kinh doanh của doanh nhân nữ và các DNVVN do phụ nữ làm chủ.

Hạn chế thứ hai liên quan đến việc tiếp cận và khả năng sử dụng công nghệ. Ở Việt Nam, tỷ lệ phụ nữ tốt nghiệp các chuyên ngành khoa học và công nghệ là 32,8%, thấp hơn nhiều so với nam giới (54,1%) [14]. Báo cáo của UN Women [2] chỉ ra rằng các định kiến giới định hình công việc và giáo dục liên quan tới STEM¹ thường không phù hợp với phụ nữ. Mặt khác, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của internet và sự biến động phức tạp của đại dịch Covid-19, người tiêu dùng dần thay đổi thói quen sang sử dụng các công cụ online để đáp ứng nhu cầu của mình như: Tải ứng dụng giao tiếp phục vụ việc học và làm việc ở nhà, tìm kiếm thông tin về dịch bệnh, mua sắm hàng hóa trực tuyến, giao hàng tại nhà... Thời gian khách hàng dành cho internet đã, đang và sẽ tăng lên đòi hỏi các doanh nghiệp phải thích ứng và có chiến lược để đáp ứng sự chuyển dịch này. Rõ ràng, với xuất phát điểm thấp trong cơ hội và khả năng tiếp cận khoa học và công nghệ, các DNVVN do phụ nữ làm chủ thực sự gặp khó khăn đối với việc ứng dụng công nghệ trong quản lý hoặc chuyển đổi kỹ thuật số.

Thứ ba, đó là hạn chế về việc tiếp cận các nguồn lực tài chính. Các DNVVN do phụ nữ làm chủ chủ yếu có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, do đó, họ bị hạn chế về nguồn lực vay vốn (do không có tài sản thế chấp phù hợp, hoặc không có sự ủng hộ của người chồng và gia đình trong quá trình vay vốn) và không có hệ thống kế toán, lập kế hoạch kinh doanh phù hợp [3]. Do đó, rất khó để xây dựng kế hoạch tài chính và thuyết phục các ngân hàng thương mại để xin nguồn vay. Ngoài ra, các ngân hàng này chỉ coi các DNVVN do phụ nữ làm chủ là khách hàng tiềm năng (không phải là khách hàng chính) nên không tạo ra động lực đáng kể để hỗ trợ cho họ. Chỉ 37% DNVVN do nữ làm chủ đã tiếp cận các khoản vay ngân hàng so với 47% chủ doanh nghiệp nam; ngay cả khi các doanh nhân nữ đủ điều kiện vay vốn ngân hàng, họ có xu hướng nhận ít hơn những gì họ yêu cầu và số tiền thấp hơn so với nam giới [10]. Các DNVVN do phụ nữ làm chủ cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn từ Quỹ Phát triển DNVVN do các thủ tục phức tạp, lãi suất cao ngang với các ngân hàng thương mại và các khoản vay ngắn hạn [12].

Rào cản thứ tư liên quan đến gánh nặng kép của phụ nữ và định kiến giới. Từ lâu, phụ nữ gắn liền trực tiếp với vai trò và trách nhiệm vun vén hạnh phúc gia đình thì công việc kinh doanh sẽ dành cho nam giới. Gần như việc sinh con, chăm sóc trẻ em và những định kiến giới có tính truyền thống liên quan đến nghĩa vụ chăm sóc chỉ dành cho phụ nữ trong xã hội và gia đình. Điều này tạo ra những bất lợi trong quản lý kinh doanh của phụ nữ là rất rõ ràng. 38% doanh nhân nữ nói rằng cân bằng giữa công việc và chăm sóc con cái trong khi vun đắp hạnh phúc gia đình là khó khăn lớn nhất của họ (IFC, 2006), 34% doanh nhân nữ cho biết họ phải chăm sóc con cái, gia đình và không có nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động quản lý kinh doanh theo cách tương tự như các đồng nghiệp nam của họ (ILO, 2007), ILO (2011a). MBI et al., (2016) cũng gợi ý

¹ STEAM: Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học

rằng phụ nữ bị gò bó bởi định kiến giới do kết quả trực tiếp của sự phân chia giới tính cụ thể về mặt văn hóa trong gia đình và xã hội.

Trên thực tế, với sự xuất hiện đa dạng các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc gia đình (như dọn vệ sinh, nội trợ, đưa đón con em đến trường...) đã giúp người phụ nữ có nhiều thời gian hơn để quản lý, duy trì và mở rộng mạng lưới kinh doanh. Báo cáo của IFC, (2017) cho thấy hơn 90% người được khảo sát đã kết hôn hoặc đã từng kết hôn vẫn có thể thực hiện thành công việc kinh doanh và chăm sóc gia đình nhờ vào sự hỗ trợ của gia đình và bên ngoài. Bên cạnh đó, ngày càng có nhiều phụ nữ bắt đầu kinh doanh khi còn độc thân và xây dựng một đội ngũ có thể hỗ trợ cho họ sau này. Thậm chí, việc làm mẹ cũng giúp các nữ doanh nhân gia tăng khả năng chịu áp lực công việc hay đàm phán có hiệu quả hơn. Tuy vậy, khi Covid-19 xảy ra, nhiều doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo có nhiều khả năng giảm hoặc tạm ngừng các hoạt động kinh doanh bởi sự khác biệt về giới trong trách nhiệm chăm sóc trẻ nhỏ trong thời gian trường học và các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc gia đình ngừng hoạt động [9].

Bên cạnh các rào cản trên, khả năng phục hồi hậu Covid-19 của các DNVVN do phụ nữ làm chủ cũng là một câu hỏi lớn. Các chính sách giãn cách xã hội và đóng cửa kinh doanh đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ, lĩnh vực mà 61,4% các DNVVN do phụ nữ làm chủ hoạt động [10]. Ngoài ra, khả năng phục hồi của các doanh nghiệp này cũng bị thách thức do những hạn chế trong tiếp cận nâng cao năng lực hoạt động nói chung, xuất phát từ việc thiếu hỗ trợ đào tạo có hệ thống, hoặc việc thực hiện các hoạt động đào tạo còn hạn chế. Ví dụ, các hoạt động được thực hiện với cách tiếp cận mù giới, phạm vi bị hạn chế về mặt địa lý nên phụ nữ khó tiếp cận, hoặc chưa được thiết kế phù hợp để phù hợp với đặc điểm của doanh nhân nữ [9].

5. KẾT LUẬN

Sự xuất hiện của DNVVN do phụ nữ làm chủ bên cạnh việc góp phần thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ, loại hình doanh nghiệp này có những đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, với sự bùng nổ của đại dịch Covid 19 ở Việt Nam trong một thời gian dài, DNVVN do phụ nữ làm chủ đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn, đặc biệt liên quan đến sự tồn tại và duy trì hoạt động. Với việc sử dụng phương pháp nghiên cứu thứ cấp, thu thập dữ liệu và thông tin liên quan từ các tài liệu sẵn có, bài viết này hướng đến việc cung cấp một bức tranh toàn diện về những thách thức mà DNVVN do phụ nữ phải đối mặt dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid 19.

Ngoài những thách thức chung mà DNVVN Việt Nam phải đương đầu, DNVVN do phụ nữ làm chủ còn đối mặt với những khó khăn khác do những đặc điểm

đặc thù của loại hình doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ này. Phát hiện của nghiên cứu này chỉ ra như sau, thứ nhất đại dịch Covid-19 làm trầm trọng thêm những rào cản về vốn con người và xã hội vốn đã tồn tại trong DNVVN do phụ nữ làm chủ. Thứ hai, việc tiếp cận và khả năng sử dụng công nghệ trong ở loại hình doanh nghiệp này càng gặp khó khăn trong quá trình đại dịch Covid 19 diễn ra. Thứ ba, đại dịch Covid 19 làm hạn chế thêm việc tiếp cận các nguồn lực tài chính ở DNVVN do phụ nữ làm chủ. Thứ tư, rào cản liên quan đến gánh nặng kép của phụ nữ và định kiến giới trong đại dịch đưa đến những thách thức lớn hơn cho phụ nữ trong công việc điều hành và duy trì các hoạt động của doanh nghiệp. Cuối cùng, những ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch cũng như tiềm lực hạn chế so với đa số các doanh nghiệp do nam giới làm chủ đưa đến những thách thức trong khả năng phục hồi hậu Covid-19 của các DNVVN do phụ nữ làm chủ.

Tóm lại, mặc dù các DNVVN do phụ nữ làm chủ đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, dưới tác động của đại dịch Covid-19, họ phải đối mặt với nhiều khó khăn trên con đường khởi nghiệp, duy trì và mở rộng mạng lưới kinh doanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. N. T. Anh, N. T. Thuy, and D. T. T. Hoai, "Employment and quality of employment in Vietnam: The roles of small firms, formalization and education," 10, 2016.
- [2]. UN Women, "A REVIEW OF THE IMPLEMENTATION OF SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES (SMES) SUPPORT LEGISLATION AND THE CAPACITY BUILDING NEEDS AND TRAINING SERVICES FOR WOMEN-OWNED SMES AND WOMEN ENTREPRENEURS IN VIET NAM," Hanoi, 2020.
- [3]. MBI, ADB, and HAWASME, "Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: thực trạng và khuyến nghị chính sách," 2016.
- [4]. M. Ho, "Nghiên cứu về phụ nữ khởi nghiệp tại Việt Nam," *OSF Prepr.*, 2018, doi: <https://doi.org/10.31219/osf.io/n8uv4>.
- [5]. World Bank and VCCI, "Tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ Điều tra doanh nghiệp năm 2020," 2020.
- [6]. TCTK, "DỊCH COVID-19: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM," 2020.
- [7]. TCTK, "Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2021," 2021.
- [8]. Mastercard, "The Mastercard Index of Women Entrepreneurs 2020," 2020.
- [9]. UNESCAP, "Assessment of the Impact of COVID-19 on MSMEs , and especially women-led MSMEs in Viet Nam," 2020.
- [10]. IFC, "Women-owned enterprises in Vietnam: Perceptions and Potential," Vietnam, 2017.
- [11]. H. T. A. Phuong and L. D. M. Phuong, "GREEN-RESILIENT-INCLUSIVE (GRID)

APPROACH AND FOSTERING WOMEN'S ENTREPRENEURSHIP TOWARDS INCLUSIVE GROWTH POST-COVID-19 IN THE CONTEXT OF VIETNAM," 2022.

- [12]. TAF, VWEC, and MBI, "Needs Assessment of Women-Owned Small and Medium-Sized Enterprises in Vietnam," Hanoi, 2018.
- [13]. H. Zhu and C. Kuriyama, "Gender-related constraints faced by women-owned SMEs," APEC Policy Brief No.15, 2016.
- [14]. V. T. Nguyen, J. M. Peiró, Q. C. Le, V. González-Romá, and V. Martinez-Tur, *Viec lam va gia nhap thi truong lao dong cua sinh vien Viet Nam sau tot nghiep*. NXB Dai hoc Kinh te Quoc dan, 2020.

WOMEN-OWNED SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN VIETNAM: CHALLENGES UNDER THE IMPACT OF THE COVID-19 PANDEMIC

Le Duy Mai Phuong

Faculty of Sociology and Social Work, University of Sciences, Hue University

Email: phuongleduy@husc.edu.vn

ABSTRACT

Women-owned small and medium enterprises have made important contributions to the Vietnamese economy. However, the Covid 19 pandemic has caused many challenges for this type of business. Using the secondary research method, this study aims to comprehensively analyze the challenges faced by women-owned small and medium enterprises under the impact of the Covid 19 pandemic. The results show that, in addition to the general difficulties faced by small and medium enterprises in Vietnam, the Covid-19 pandemic has exacerbated existing barriers for many women-owned businesses. Those barriers relate to human and social capital of businesses, access and usability of technology, access to financial resources, challenges posed by the dual burden of women, and gender stereotypes in operating and maintaining business operations, and the post-Covid-19 resilience.

Keywords: Covid-19, small and medium enterprises, Women-owned businesses.



Lê Duy Mai Phương sinh ngày 31/10/1989 tại Quảng Trị. Bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Xã hội học tại trường Đại học khoa học, Đại học Huế năm 2011, tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành Xã hội học tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2014. Bà đang công tác tại Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế từ năm 2011.

Lĩnh vực nghiên cứu: Di cư lao động, Chuyển dịch cơ cấu lao động, Việc làm, Xã hội học kinh tế.